TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ
THƯƠNG HIỆU & CÔNG LUẬN

Giá lúa gạo hôm nay 25/5: Giá gạo xuất khẩu tăng mạnh ở mức 373 USD/tấn

06:16 25/05/2023

Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam, giá gạo xuất khẩu Việt Nam hôm nay (25/5) đang tăng mạnh so với cùng kỳ. Hiện giá chào bán giữ mức ổn định với gạo 100% tấm ở mức 373 USD/tấn, tăng 3 USD/tấn so với phiên trước

Giá lúa gạo hôm nay 25/5 tại Đồng bằng sông Cửu Long theo ghi nhận vẫn tiếp tục duy trì đà đi ngang, không thay đổi so với ngày hôm qua.

Cụ thể, tại An Giang giá lúa Đài thơm 8 có giá 6.800 – 7.000 đồng/kg; Giá lúa Đài thơm 8 ở mức giá 8000 - 7.000 đồng/kg; Giá lúa IR 50404 có giá 6.200 - 6.400 đồng/kg; Giá lúa OM 5451 giá 6.400 - 6.500 đồng/kg; Giá lúa OM 18 giữ mức giá 6.800 đồng/kg; Giá lúa Nhật 7.800 - 8.000 đồng/kg; Giá lúa Nàng Hoa 9 có giá 6.600 - 6.750 đồng/kg. Nếp Long An khô 7.600 - 7.800 đồng/kg; nếp An Giang 7.700 - 7.800 đồng/kg.



Giá lúa gạo hôm nay tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục duy trì đà đi ngang.

Với mặt hàng gạo, gạo trắng thông dụng giá 4.500 đồng/kg; Gạo Sóc thường có giá 14.000 - 15.000 đồng/kg; Gạo Nàng Hoa giá 18.500 đồng/kg; Gạo thơm thái hạt dài giá 18.000 - 19.000 đồng/kg; Gạo Nhật giá 22.000 đồng/kg; Cám có giá 8.000 - 8.500 đồng/kg.

Tại chợ lẻ, giá gạo duy trì ổn định, gạo thường còn 11.000 - 12.500 đồng/kg; gạo thơm Jasmine 15.000 - 16.000 đồng/kg; gạo Sóc thường 15.000 đồng/kg; Nếp ruột 16.000 - 18.000 đồng/kg; Gạo trắng thông dụng 14.500 đồng/kg; Nàng Hoa 18.500 đồng/kg; Sóc Thái 18.000 đồng/kg; Gạo thơm Đài Loan 20.000 đồng/kg; Gạo Nhật 22.000 đồng/kg; Cám 7.500 – 8.000 đồng/kg; Gạo thơm Thái hạt dài duy trì 18.000 - 19.000 đồng/kg và Hương Lài 19.000 đồng/kg.

Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam, giá gạo xuất khẩu Việt Nam đang tăng mạnh so với cùng kỳ. Hiện giá chào bán giữ mức ổn định với gạo 100% tấm ở mức 373 USD/tấn, tăng 3 USD/tấn so với phiên trước; gạo 5% tấm giá 420 USD/tấn; gạo 25% tấm giá 400 USD/tấn; gạo Jasmine giá 528 - 532 USD/tấn.

Bảng giá lúa gạo hôm nay 24/5/2023

Chủng loại lúa/gạo	Đơn vị tính	Giá mua của thương lái (đồng)	Tăng/giảm so với hôm qua (đồng)
Đài thơm 8	Kg	6.600 - 6.700	-
OM 18	Kg	6.500 – 6.700	-
Nàng hoa 9	Kg	6.500 – 6.800	-
IR 504	Kg	6.200 - 6.400	-
OM 5451	Kg	6.400 – 6.500	-
Nếp Long An (khô)	Kg	8.600 - 8.800	-
Nếp An Giang (khô)	Kg	8.200 - 8.500	-
Gạo nguyên liệu IR 504	Kg	9.600 - 9.800	-
Gạo thành phẩm IR 504	Kg	11.000 - 11.200	-
Tấm khô IR 504	Kg	9300- 9.400	-
Cám khô IR 504	Kg	7.350 - 7.550	-

Minh An *(Th)*